Mật số côn trùng gây hại và thiên địch ở trạm Viện Lúa ĐBSCL
từ ngày 10/03/2025 đến ngày 17/03/2025

Tên côn trùng	Thời gian								
	10/3 2025	11/3 2025	12/3 2025	13/3 2025	14/3 2025	15/3 2025	16/3 2025	17/3 2025	Tổng cộng
Rầy nâu	4	14	13	48	52	46	124	34	335
Rầy lưng trắng	1	1	1	2	5	6	7	7	30
Rầy zigzag	10	55	7	15	31	99	218	36	471
Bướm sâu cuốn lá nhỏ	1	0	0	5	2	12	9	0	29
Bướm sâu đục thân hai chấm	4	8	7	15	20	13	16	3	86
Bướm sâu keo mùa thu Spodopter	0	0	0	0	0	0	0	1	1
Bọ xít dài	5	1	1	0	0	0	0	1	8
Bọ xít mù xanh	6	33	9	11	9	5	24	6	103
Kiến ba khoang	3	11	7	0	8	4	4	5	42
Bọ rùa cam	0	2	1	0	1	0	12	7	23
Bọ cánh cứng ba khoang	0	0	1	0	0	0	1	0	2
Bướm đêm Creatonotos gangis	0	0	1	1	0	0	0	0	2
Bọ hung nâu	1	0	0	0	0	1	0	0	2
Bọ cánh cứng Berosus sp.	0	12	3	9	4	2	6	1	37
Bướm đêm Parapoynx stagnalis</i	0	0	0	1	0	0	0	0	1
Bọ xít đen	0	0	1	0	0	0	0	0	1
Dế nhũi	0	0	1	1	0	0	0	0	2
Ong ký sinh	1	0	0	0	0	1	1	0	3
Kiến cánh	1	0	1	0	0	2	5	4	13
Bướm sâu tơ	0	0	0	0	0	1	0	0	1
Muỗi nước xanh	2	2	0	1	3	0	0	0	8
Bọ cánh cứng Agelastica alni	4	4	5	4	12	10	11	10	60
Ruồi hạc	0	0	0	0	0	1	0	0	1
Bọ nước Hydrophilus triangularis<	0	3	4	1	1	0	1	0	10
Bướm sâu keo mùa thu Condica ill	0	2	0	0	0	0	0	0	2
Bướm đêm Creatonotos transiens<	0	0	0	0	0	0	1	0	1
Muỗi nước xám	110	52	64	29	22	36	43	74	430
Bọ xít nâu	2	19	2	3	13	13	52	17	121
Rầy xanh Empoasca sp.	4	6	3	2	11	9	8	7	50
Nesidiocoris tenuis	0	0	0	0	0	0	1	0	1
Bọ nước Micronecta scholtzi	3	14	7	3	5	5	8	5	50
Philonthus	2	1	2	2	0	0	2	1	10

Rhyparochromidae	0	1	0	1	1	0	3	0	6
Homalota plana	9	42	17	27	13	17	11	12	148
Pangaeus sp.	0	0	0	0	1	0	1	0	2
Drosophila virilis	7	2	3	4	3	0	2	2	23
Lithocharodes longicollis	4	13	11	24	23	11	7	13	106
Hygrotus sp.	1	73	0	0	0	2	2	1	79
Lebia cruxminor	0	0	0	1	0	3	0	1	5
Scymnus coniferarum	0	3	0	2	2	2	1	1	11
Bọ cánh cứng Stenolophus quinqu	0	1	0	0	1	0	0	0	2
Bọ hung vàng	1	0	0	0	0	0	0	0	1
Bọ xít nước ăn thịt	1	5	0	2	3	0	0	0	11
Bọ cánh cứng Clivina sp.	1	1	0	0	1	1	0	0	4
Nysius raphanus	0	0	0	0	2	0	0	0	2
Rầy xanh 2 chấm	2	1	0	0	1	0	0	1	5